

TRUYỆN CÁC BẬC CAO TĂNG ĐỜI TỔNG

QUYỂN 10

CHƯƠNG III: TẬP THIÊN

TRONG PHẦN 3 CỦA CHƯƠNG III

(chánh truyện có mười sáu vị, phụ có tám vị).

1. Truyện ngài Đạo Nhất chùa Khai Nguyên, ở Hồng Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Nhất, họ Mã, người ở xứ Hán Châu. Hoa dụ cho tánh chẳng trông ở cao nguyên, dùng sóng để biện rõ thức, phát sáng từ biển lặng. Khi Sư sanh ra đã chững chạc, khi đi nhìn thẳng như Hổ, lưỡi dài quá mũi, vân chân chữ lớn. Căn trần tuy đồng ở pháp thể, mà tướng phôi bày khác với huyễn hình. Đã nói: Ở tại cảnh phàm cũng ứng giáo tùy cơ. Sư tuy tuổi còn thơ mà chán nhìn vết trần, thoát lạc ái thủ, bước đi điềm nhiên như cỏ. Sư xuống tóc xuất gia với Hòa-thượng Đường ở Tư Châu, thọ giới cụ túc với Luật Sư Viên ở Du Châu. Bày yếu chỉ oai nghi, hiểu mạnh mối khai chế, giặt y luyện vàng quán môn đều đáp đối. Đại Long Vương tượng ràng nuộc thì khó, quyền biến vô phương, có duyên có đợi.

Sư nghe ở Hành nhạc có Thiên Sư Hoài Nhượng, tức trước sau của Lục Tổ Tuệ Năng. Từ đó, Sư ra sâu hiểm của Mâu Nga ngọc lữ, đến chốn u tịch của Linh Quế Trinh... Một lúc thấy được ngài Hoài Nhượng, tự nhiên không ngăn mé, đến cửa chẳng đợi ba lần cầu thỉnh, làm thì ngang bằng so với bảy người. Bởi vì, pháp lìa văn tự còn truyền Đố lộ, Thánh không phương sở cũng gá Thanh Nguyên. Sư bèn đến Lâm Châu, dừng ở hai núi Nam Khương và cung công. Chỗ Sư đến không ngăn trệ, tùy nhiếp mà hóa. Vốn trước đây, ở ngọn núi này quỷ my trú ở rất nhiều, mọi người chẳng dám đến gần. Nếu ai phạm phải thì thân bị cháy chết đứng. Đang lúc Sư trụ ở đó, có vị thần mặc áo tía mũ đen đến lễ bái thưa rằng: “Xin xả thí đất này để làm đạo tràng thanh tịnh”.

Nói xong, không thấy nữa. Từ đó, các loài cầm thú độc dữ hung tợn đổi tâm thuần nhuẫn, những kẻ tham trái oán hờn trở lại thờ phụng khiêm nhường. Gia đình Quận thú ở Hà Đông kính phụng chánh tín, tự thân siêng năng cầu học, ban trọng anh minh giảm quý, cùng khả năng trí thuật tuệ giải. Thường đến Hải Hà thâu gộp thì núi sáng trăng soi chiếu. Tâm cùng cảnh vắng lặng, Đạo tùy ngộ sâu. Người tự rõ tại khắp mọi vật, người rộng bày cúng thí mong cứu giúp nhiều. Đang trú ở không sao tự nhiên Bùi Công dời đến trấn nhậm ở hai mục Lư Giang và Thọ Xuân, ở đó tiến tu, chỉ chuyên tu tinh tấn dẫn hóa chẳng sa đọa.

Vào niên hiệu Đại Lịch (766-780), vua Đại Tông ban ân mưa móc, sắc chỉ Sư đến trụ tinh xá Khai Nguyên. Khi đó, sư là người luôn dẫn đường, nghe phong cảnh mà kính mến. Vì đất ở Chung Lăng, trấn giữ vùng sâu, chính sách có đổi dây của trụ, người cùng một nguồn. Thiên Tông định chỉ ban điềm lành thì lăm thuận mà chẳng trái. Sư trụ ở đó suốt mười năm. Như mặt nhật soi sáng đến Phù Tang, trước chiếu trên đỉnh núi cao, mây nổi khắp nơi chốn, mưa lớn đều thấm nhuần.

Vào niên hiệu Kiến Trung (780-784), vua Đức Tông có ban chiếu chư tăng trở về chốn cũ, Nguyên Nhung Bao Công giữ kín chẳng đưa đến. Đến năm Mậu thìn (788), Sư sinh hoạt vẫn như thường, bỗng nhiên đòi tắm gội xong, an nhiên ngồi kiết già mà thị tịch, thọ tám mươi tuổi, năm mươi hạ lạc.

Ban đầu tại Kiến Xương, ở ven núi tên là Thạch môn, chung quanh toàn là hang hố hiểm hóc, ở bên trong bình thản u tịch riêng từ lâu. Ở đó, tìm củi lửa đến kiếp số như bụi nhỏ mới gặp, chẳng phải điềm tốt lành luận bàn gò đất linh Á Tướng quán sát Sư Lũng Tây Lý Công, phân gửi nghiêm lệ, vốn là chỗ vâng theo. Sư đến đó dạy dỗ đồ chúng. Nương tựa suy nghĩ giúp lý, bèn dùng tạo phước, đạo ở Quán hóa, tình còn lúc sắp qua đời. Thôi bỏ cờ xí của chư hầu, vốn giúp phước lọng của Thích Tử. Khi đó, mặt nhật biến đổi sáng soi, người truy hối tấp nập xa gần, mái chèo lấp nước mà làm thành đất liền, đuốc sáng thâu đêm trở lại thành ngày. Thích tử trở lại sơn môn, tài thí như chứa nhóm, Tăng chúng nơi thôn dã cúng cơm thơm đều xông ngát. Từ xưa kia, ngài Hoa Nghiêm quy chân tại Tung Dương, ngài Thiện Đạo nhập tháp tại Tần Lĩnh, xem lễ tiễn đưa, người đông nghẹt Quốc Thành. Buồn thương tiễn đưa đông đầy, nay là lần thứ ba.

Lúc đầu, ở trong rừng, sư kinh hành, ngồi trên tòa khai thị, bình đẳng giảng pháp chẳng phô bày ở bốn khoa. Sư an nhiên bảo đến tháng 2 sẽ thị tịch. Đó là nói điềm trước lúc thị tịch. Lúc Sư hiện bệnh, răn dạy

sau khi tịch nên an táng cách xa núi, phàm trăm việc phan duyên xin giữ lại gần thành, nhưng cuối cùng đều vâng theo thể thức đã chỉ bày. Đó lại nói về Hối tích vốn thật. Lúc sắp đem, linh khảm trở về thì nước chảy xiết, sức người không đủ để giữ thuyền đi chậm, mưa mỡ chọt tuông xuống từ giữa khoảng không xa vời, khắp cùng khe biến thành sâu thẳm. Đó lại là nói về Thần thông ứng cảm. Duy nhất biết chân tại không, vô ngã đối với hữu, cả hai điều đó đều lia, nương gá vào nhất thừa, chỉ bày sanh tử, người có khả năng thành Phật, biện rõ tà chánh, ma cũng sợ thánh. Hiện thân chẳng lưu lại ở bậc Đại sĩ, phụ thủ bồng ẩn nơi triết nhân. Sư có các đệ tử như ngài Trí Tạng, Hạo Anh, Sùng Thái v.v... kính vâng giữ lễ an táng như Sư dạy bảo. Vua Hiến Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Đại Tịch Thiên Sư”. Đan Dương Công Bảo Cát làm bia ghi lại, Quyền Đức Dư làm bài minh ở tháp. Nay, ảnh đường tại huyện Hải Hôn vẫn còn.

Thứ nữa, ngài Thích Trí Tạng ở Tây Đường, thuộc Kiền Châu đời Đường. Sư họ Liêu, người ở xứ Kiền Hóa. Vừa mới sanh mà Sư có tướng kỳ lạ, khí phách kỳ vĩ.

Năm tám tuổi, Sư xuất gia theo thầy, Đạo hướng xa, theo ngài Đại Tịch đời đến ở núi Cung Công. Sau, Sư đến tham yết Thiên Sư Quốc Nhất tại Kính Sơn, Sư cùng đàm luận chu toàn, mọi người đều đổi cách nhìn về Sư. Chúc Nguyên Nhung Lộ Tự cung thỉnh Sư Đại Tịch trụ tại phủ, Sư mới trở về lại quận, được ngài Đại Tịch trao truyền áo nạp Casa. Bấy giờ, Á Tướng Lý Công Kiên, Quốc Tướng Tề Công Anh, Trung Lang Bùi Công Thông đều dốc lòng thuận giáo.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 9 (814), ngày mồng 8 tháng 4, Sư thị tịch, thọ tám mươi tuổi, năm mươi lăm hạ lạc. Đến lúc đời nhập tháp, quan giám nghị Đại Phu Vi Thọ truy hỏi ngôn hạnh của Sư ghi chép vào Đồ Kinh. Thái Thú Lý Bột xin Tán dương đức hạnh Sư. Đến niên hiệu Trường Khánh năm thứ nhất (821), vua Hiến Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Đại Giác Thiên Sư”.

2. Truyện ngài Chí Mãn ở lan-nhã Linh Thang Tuyên, thuộc Tuyên Châu, thời Tiền Đường:

Thích Chí Mãn, họ Khương, người ở xứ Lạc Dương. Thuở nhỏ, gặp lúc trong nhà thỉnh Sa-môn thiết bày Phật hội, Ngài thích ý chẳng thôi, bèn đến chùa Long Hưng ở Dĩnh Châu xin xuất gia.

Nghe pháp tịch của Thiên Sư Thần Hội dưới Lạc Đô, có đông nhiều học chúng, Sư tìm đến đó và được rõ tâm yếu. Sư đi về phương

Nam đến tuổi Linh Thang ở Hoàng Sơn, cất am tranh mà ở. Sau, mọi người khắp làng quê Hoàng Liên thấy Sư mà mừng vui hơn hở. Sư hỏi: “Đây là nơi nào?” Mọi người đáp: “Đây là núi Hoàng Liên thuộc Tuyên Thành. Xin Sư trụ ở đây, ngại gì hổ báo làm hại”. Sư bảo: “Hổ cũng có tánh Phật”. Sư bèn đốt hương cầu nguyện chú yểm nó, do đó nạn hổ báo chấm dứt và trở thành một thiền viện lớn. Sau, Sư thị tịch, thọ chín mươi mốt tuổi. Niên hiệu Vĩnh Trinh thứ nhất (805) nhập vào tháp.

3. Truyện ngài Quang Dao trụ viện Bảo Chân, ở Nghi Châu, thời Tiền Đường:

Thích Quang Dao, họ Chu, người ở xứ Bắc Kinh. Thuở nhỏ, Chung Đồ lục đều chẳng hơn tình, Sư bèn phát chí xuất gia, bỏ các trường giảng vào chốn thiền lâm, hễ nơi nào có âm hưởng Tông Sư thì Sư đều đến tham yết. Cuối cùng, gặp được Thiền sư Thần Hội như vén bỏ màn mắt, Sư thấy suốt mười phương. Sau, Sư đến núi Mông ở Nghi Thủy, kết cỏ thành am, an nhiên cư trú. Dân chúng Hội Phí đều theo Ngài hóa độ. Bấy giờ, Thận Ấp Đại Phu biết Trọng Thủ dựng lập Thiền cung. Thứ nữa, Duyệt Châu Tiết Sứ Vương Liêu Thượng Thư đích thân đến thỉnh Sư vào châu hành hóa. Đặc tấu biểu ngạch đề là “Bảo chân”, học chúng mong mỗi đùm nhiều lợi ích. Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 2 (807), Sư thị tịch, thọ chín mươi hai tuổi.

Thứ nữa, có ngài Thích Đạo Kiên trụ chùa Từ Ân ở Tương Châu, thời Tiền Đường. Sư họ Vương, người ở xứ Đan Dương. Ban đầu, Sư phát tâm xuất gia với Thiền Tổ Tuệ trung ở núi Ngưu Đầu. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ nhất (766), Sư đến ẩn cư tại núi Nam Tuyền, thuộc Trì Châu. Sau, Sư đến Tương Hán, ghé chùa Từ Ân. Niên hiệu Nguyên Hòa thứ nhất (806), Tướng Quốc Yên Công trấn giữ tại Hán Nam rất kính trọng Sư, thường ân cần hỏi đạo, cúng thí tấp nập, xây chùa ở ngoài ải Phụng Lâm, thỉnh Sư trụ ở đó. Qua năm sau (807), Sư thị tịch, thọ bảy mươi ba tuổi.

4. Truyện ngài Linh Thần trụ chùa Huệ Lâm, ở Dương Châu, thời Tiền Đường:

Thích Linh Thần, họ Võ, người ở xứ Văn Thủy, thuộc Thái Nguyên, là cháu của Thái Hậu Võ Tắc Thiên. Cha của Sư húy là Tuyên, làm huyện lãnh Lạc Dương. Mẹ của Sư thuộc dòng họ Hạ Hầu. Khi mới mang thai Sư, bà mộng thấy vị Thần tặng trao cho chiếc gương báu; trong ngoài sáng sạch, bảo rằng: “Tôi gởi bà vật này, hãy khéo giữ

gìn!” Đến lúc sanh Sư, toàn không thấy khổ.

Năm bảy tuổi, Sư tụng đọc, học tập thông rành, hợp với việc Đồng Tử. Năm mười ba tuổi, Sư theo Quan Lữ lên Thái tử Thông Sự xá nhân, cứ như vậy, Sư vui học không ngừng nghỉ. Sách kinh tam giáo, Sư càng thêm hiểu đạt, nhưng Sư thường than trách là nhà hư nát! Bèn phát chí muốn vào không môn, tự lương Đại thừa Sư đã hoàn bị, cuối cùng đến cảnh giới Niết-bàn.

Bấy giờ, Thiên Sư Thần Hội hoàng hóa trụ chùa Hà Trạch ở Lạc Đô rất hưng thịnh, mới ngăn ánh sáng của Phổ Tịch, dần chìm đạo của Thiên Sư Thần Tú. Sư bèn đến đó tham yết. Ngài Thần Hội thi thiết khéo dẫn dụ, chóng thấy rõ bốn tâm, im lặng chấp nhận, ung dung gìn giữ, cha mẹ chẳng thể thay đổi ý Sư, gió tốc bay chẳng buộc được. Đầu cuối nghiên mài, Sư phá được nghi trệ.

Niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (742), ngài Thần Hội gọi Sư bảo rằng: “Ta có một câu. Đây là tổ tổ tương truyền, đến đời ngài Tào Khê, ngài Tào Khê (Tuệ Năng) lại phó chúc cho ta. Người khéo lắng lòng ghi nhận. Ta đây sắp có lưu nạn!” Sư bèn từ già mà du phương. Sau đó không lâu, quả thật có chiếu sắc dời đổi ngài Thần Hội đến Dặc Dương. Sư bèn đến chùa Phù Tra ở Lư Châu, đọc xem Đại Tạng kinh. Sau, Sư nghe Quốc Sư Trung từ Nam Dương có chiếu mời vào. Niên hiệu Đại Lịch thứ 5 (770). Ngài theo lễ bái tham hầu. Đến niên hiệu Đại Lịch thứ 8 (773), Sư muốn trở ra ải. Quốc sư Trung Tấn tâu với vua Đại Tông rằng: “Người này (ngài Linh Thần) là đồng môn của bản đạo, đều là đệ tử của Thiên Sư Thần Hội”. Vua Đại Tông sắc tặng Sư danh hiệu là “Đại Bi”, kiêm mang “mặc sắc” đến hành hóa ở Lương Viên. Bấy giờ, Tướng Quốc Điền Công Thần Công cúng dường quanh co. Vừa gặp Duy Dương lục hợp, Sư bèn than rằng: “Đại Pháp Lăng Di” bỗng nghe giữa hư không có tiếng bảo rằng: “Mở tâm địa lìa thấy Bồ-tát, như tượng Văn-thù, bảo rằng “ấn nghiệm cho người”, khiến người cố để tìm chướng án”. Xem ở bốn ngón tay có vết sẹo đỏ. Vết ấn đó thường hiện.

Thêm nữa, lúc Sư trụ núi Kim thuộc Giang Trung ở Nhuận Châu, nay là chùa Trạch Tâm. Phía Bắc núi, có một hang rộng, thường nhả ra khí độc như mây. Nếu có ai đến gần, thì thường mắc bệnh hoặc đến nỗi chết. Sư đến ở thì mây đem tự nhiên mất dấu. Kế nữa, lúc Sư cất am tại núi Định ở Giang Âm, bỗng nhiên nghe có tiếng khen ngợi, xem ra là hai con rùa trắng, Sư bèn trao truyền quy giới cho nó. Lại thấy hai con rắn trắng lớn, thân dài mấy trượng, Sư cũng sám hối và trao truyền giới

pháp cho nó. Thế rồi, Sư bỏ sang núi Ngô Hưng, xây dựng một lan-nhã. Có ba người đàn ông mặc áo màu tía dệt vàng, từ từ đi bộ đến khen ngợi rằng: “Đạo tràng chỉ có điều lành!” Dân chúng trong thôn xóm, nhiều người phá bỏ võng lưới.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 5 (810), Tướng Quốc Lý Công Lịch đến nhậm chức tại Quảng Lăng, dùng pháp nghiêm ngặt, hành động thẳng thắn, quyết xét thiếu Ân, vừa trông thấy Sư, ông càng thêm trịnh trọng, mời Sư đến trụ chùa Huê Lâm. Trong chùa có phần mộ Tướng Quân Trương Liêu, Tăng chúng hay bị Quỷ vật làm mê loạn. Khi Sư đến ở thì tự nhiên không còn hiện tượng gì cả. Thêm nữa, dân chúng ở Dương Châu phần nhiều hay bị hoạn nạn mê hoặc bởi sơn yêu mộc quái, Sư đều ngăn trừ hết. Mọi người tranh nhau quy hướng kính ngưỡng.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 10 (815), bỗng nhiên thấy có hai người Hồ, nói từ nước Quy-tử đến, vì ở đó không có chí giáo nên từ xa lại cầu thỉnh Hòa-thượng đến mở mang rộng khắp. Qua ngày 13 tháng 5 năm sau (816), Sư dự lễ hỷ kỵ ở chùa Hà Trạch, xong Ngài bảo với tăng chúng: “Tôi sắp đáp lại lời thỉnh mời ở phương xa”. Tới tháng 7, Sư hiện tướng bệnh, sang tháng 9, lúc sắp thị tịch, Sư lại dự bảo như vậy. Đến ngày mồng 8 tháng 9, Sư an nhiên thị tịch. Dời tháp đến phía nam sườn núi phượng Tuần Địch, thuộc phía tây Dương Châu. Duyệt Trịnh Đảm ở Việt Châu xây tháp. Sư thọ một trăm lẻ tám tuổi, tám mươi bốn hạ lạc.

Sư là pháp tôn của Tổ Sư Tào Khê (Tuệ Năng), là đệ tử Ngài Hà Trạch (Thần Hội).

5. Truyện ngài Đạo Thông ở núi Tử Ngọc, thuộc Đường Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Thông, họ Hà, người ở xứ Lư Giang. Thuở Sư còn bé, lẫm lì ít nói. Thấy hình tượng Phật, thì chiêm ngưỡng đánh lễ, ngâm ca khen ngợi không thôi. Do Cha của Sư làm chức quan ở Nam An, thuộc Tuyên Châu, nên Sư bèn xin xuống tóc, mặc pháp phục tụng kinh, được hợp cách ban sắc độ Sư. Khi đó nhằm niên hiệu Thiên Bảo thứ nhất (742).

Bấy giờ, Thiên Sư Đạo Nhất bắt đầu nhóm chúng giáo hóa tại núi Phật tích ở Kiến Dương. Sư trụ ở đó. Ngài Đạo Nhất trụ ở núi Cung Công, thuộc Nam Khương, Sư cũng theo đến như hình với bóng. Nhưng Sư phát tâm du phương, tìm đến các xứ Ngô Việt, các núi hang ở Thiên

Thai, Tứ Minh không chỗ nào sư chẳng lặn lội qua, đến lúc chống gậy trở về cửa núi Phòng Đàm, ở Giang Tây, Sư gắng tâm lo việc chúng tăng, chẳng sợ khổ nhọc.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 2 (786), Sư đến Nam Nhạc, thấy Thiền sư Thạch Đầu đang chọn tơ thêm màu đỏ lam. Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 4 (788), Thiền Sư Đại Tịch sắp quy hóa, gọi Sư, bảo rằng: “Đá ngọc nhuộm núi đẹp đẽ, rất có ích cho Đạo nghiệp của ông, nếu gặp thì nên dừng ở tại đó!” Sư nghe lời ấy, đồng như lời sấm, rất không hiểu rõ. Mùa thu năm đó, Sư và Thiền Sư Tự Tại ở Phục Ngưu đồng đến Kinh Lạc. Lúc trở về đến phía Tây Đường Châu, có núi đỉnh cao chót vót rừng rậm, bốn bên chẳng có khói lửa, thật là có cảnh thú ngoài trần, Sư bèn hỏi người trong làng và được biết núi đó là núi Tử Ngọc. Sư mới nhớ lại lời huyền ký của ngài Đại Tịch, và tự nhủ “Ta hợp ở núi này!” Sư bèn leo lên chỗ cao ngất, thấy giữa núi có tảng đá vuông, màu sắc đỏ tía ngời sáng, Sư khen ngợi rằng: “gọi đây là Tử Ngọc, hợp với lời huyền ký, lời của Tiên sư chẳng dối dự ghi!” Sư bèn dựng tích tượng, mở túi, đồ chúng tham học đua nhau tìm đến. Ban đầu thì dựng tranh làm nhà. Thứ Sử Lý Đạo Cổ có ý dựng lập thiền cung.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 8 (813), đệ tử Kim Tạng ra tham lễ Thiền Sư Hoài Hải ở núi Bách Trượng. Lúc trở về gặp Sư, Sư bùi ngùi đổi sắc, bảo: “Ông đến đó ư? Núi này đã có người làm chủ rồi!” Nói đoạn, Sư kéo tích tượng đi đến Tương Châu. Tăng tục đều đón rước. Đến ngày 15 tháng 7, tự nhiên Sư không bệnh mà thị tịch, hưởng thọ tám mươi ba tuổi.

Có thuyết nói rằng: “Cố Tướng Quốc Vu Địch rất quy hướng tâm về Sư, Thượng Thư Lý Cao vô cùng lễ trọng.

6. Truyện ngài Hoài Huy trụ chùa Chương Kính ở Ung Kinh, thời Tiền Đường:

Thích Hoài Huy, họ Tạ, người ở Tuyên Châu, Sư sớm gieo trồng gốc lành sâu dày, chỉ xuất trần cao xa. Mãi đến lúc tấn đàn thọ giới cụ túc, Sư mới mến chuộng vân du.

Đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785), Sư đến lễ yết Thiền Sư Đại Tịch ở Hồng Châu, chóng tỏ tâm yếu. Bấy giờ, tại Bành Thành Lưu Tế đức rộng, Sư cùng suy chứng. Sau, Sư ẩn cư tại núi Thư Lai, kế đến ngụ chùa Linh Nham ở Tề Châu. Lại dời sang núi Bách Gia, đá suối u kỳ, khổ cho thiền giả thừa hỏi rắc rối, Sư bèn lên núi Trung Điều, thực hành Thiền pháp. Những người vì pháp, men theo dấu vết mà đến. Người xứ

Bồ-tân, Sư đều cảm hóa họ.

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 3 (808), vua Hiến Tông ban sắc chiếu mời Sư đến trụ tại viện Tỳ-lô-giá-na chùa Chương Kính. Trước đây, vào niên hiệu Đại Lịch (766-780), vua Đại Tông ban sắc mời các bậc Danh tăng Đại Đức tinh thông ba học đều ở đông đúc trong đó. Thường đến ngày Khánh Đản, thì đến đó thiết trai cúng dường Độ tăng. Sư đã trụ ở Thượng Viện vì mọi người giảng dạy thiền yếu. Cả triều đình quan liêu danh sĩ hằng ngày đến thưa hỏi. Vua Hiến Tông lại ban sắc chiếu mời Sư vào điện Lâm Đức, thiết trai cúng dường, suy tôn Ngài là Thượng tòa.

Đến mùa đông năm Ất mùi, tức niên hiệu Nguyên Hòa thứ 10 (815), Sư hiện bị bệnh, tới ngày 11 tháng 12, Sư thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi. Qua tháng 2 năm sau (816), các đệ tử của Sư như Trí Lăng, Chí Tháo v.v... đón rước toàn thân nhục thể của Sư an táng tại Bắc Nguyên; Bá Kiều. Vua Hiến Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Đại Tuyên Giáo Thiền Sư”, dựng lập bia tại cửa chùa. Nhạc Dương Tư Thương Giả Đảo soạn văn nói về đức hạnh của Sư.

7. Truyện ngài Duy Khoan chùa Hưng Thiện ở Kinh Triệu, thời Tiền Đường:

Thích Duy Khoan, họ Chúc, người ở xứ Tín An, thuộc Cù Châu. Ông nội Sư húy là An, Cha của Sư húy là Kiều. Năm mười ba tuổi, Sư thấy sự sát hại sanh mạng, tự nhiên không ăn, trở về cầu xin xuống tóc xuất gia với ngài Tăng Đàm, thọ giới ở ngài Tăng Sùng, học luật với ngài Tăng Như, chứng pháp Đại thừa ngay bộ Chỉ Quán, thành đạt tối thượng thừa với Ngài Đại Tịch, Đạo Nhất.

Niên hiệu Trinh Nguyên thứ 6 (790), Sư mới bắt đầu hành hóa ở xứ Môn Việt. Chỉ trong năm đó mà Sư hồi tâm cải phục đến cả hàng trăm người. Năm sau (791), Sư nhiếp phục con hổ dữ tại đất Cối Kê, tạo dựng đạo tràng Đăng Gia. Năm sau nữa (792) Sư trao truyền quy giới cho Sơn Thần tại Bà Dương, dựng lập đạo tràng Hồi Hương. Đến năm thứ 13 (797) Sư cảm ứng Phi nhân tại chùa Thiếu Lâm. Tới năm 21 (806) Sư tạo tác công đức hữu vi ở chùa Vệ Quốc. Năm sau (806) Sư thực hiện công đức hữu vi tại chùa Thiên Cung.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 4 (809), Hoàng Đế Hiến Tông ban chiếu mời Sư đến trụ chùa An Quốc, năm sau (810) vua đích thân hỏi đạo ở Ngài tại điện Lâm Đức. Năm đó, phục hồi tuổi Linh ở hồ Bất Không Tam Tạng. Đến cuối tháng 2 niên hiệu Nguyên Hòa thứ

12 (817), Sư giảng pháp tại Truyền Pháp Đường, xong, Sư an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi ba tuổi, ba mươi chín hạ lạc. Nhục thân Sư được đón rước về an táng tại gò phía Tây Bá Lăng. Vua Hiến Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Đại Triệt Thiền Sư”, Pháp hiệu là “Nguyên Hòa Chánh chân”.

Ban đầu, Sư giảng nói Pháp Tâm yếu suốt ba mươi năm, độ người xuất gia, tại gia đến trăm ngàn muôn người. Ngài tùy bệnh trao thuốc, an ủi mọi người. Lúc Bạch Lạc Thiên làm Cung Tán, gặp Sư bốn lần đến pháp đường, mỗi lần đến là một lần hỏi, Sư đối đáp như nước chảy. Bạch Lạc Thiên tôn làm thầy mà phụng thờ. Môn nhân đệ tử Sư có hơn ngàn vị. Đắc pháp có ba mươi chín vị, người nhập thất thọ nhận Di huấn của Ngài là Nghĩa Sùng viên chiếu.

Kế nữa, có ngài Thích Bảo Tu ở núi La Phù, thời Tiền Đường, Sư họ Chu, người xứ Tư Châu. Sư theo thầy học đạo ở chùa Thuần Đức, chí cầu huyền Lý ở Pháp duệ của Đại Sư Hoàng Nhãn tại Kỳ châu, quyết dứt trọng nghi. Sau, Sư ưa thích núi La Phù nên dừng ở trong hang đá. Đàn việt xây dựng phạm vũ, dần thành chùa lớn. Một hôm, Sư bảo môn nhân rằng: “Tôi nhân duyên sắp bị bức bách!” Rồi bùi ngùi không vui, cả chúng đều chẳng ai lường biết. Vua Thuận Tông rất kính trọng Phật tông, biết tiếng tăm Sư tu hành, bèn ban chiếu mời Sư vào kinh đô tra hỏi với Tam Tạng, Sư đều đáp ý phiên dịch, rõ ràng suôn sẻ như dòng nước chảy, vua lưu giữ Sư ở lại kinh đô ba năm. Sau, Sư thị tịch tại chùa kinh v.v...

8. Truyện ngài Di Tắc trụ trên ngọn Phật Quật ở núi Thiên Thai, thời Tiền Đường:

Thích Di Tắc, họ Trương Tôn, người ở Trường An, thuộc Kinh Triệu. Tổ liệt Ngạc Châu Tư Mã là Khảo Lợi Trắc, ẩn cư ở Kim Lăng. Sư yếu đuối, chẳng xen tạp việc đời, điềm tĩnh trọn ngày chẳng làm gì, mới theo Trương Hoài Quán học chữ thảo, Sư có viết nét bút tuyệt diệu. Sư là người thanh nhã, đam mê kinh sử, rất thích sách Phật, cho là vừa ý mình.

Một hôm, bỏ cả gia nghiệp, Sư theo Thiên Sư Tuệ Trung ở núi Ngưu Đầu. Ngài Tuệ Trung còn gọi là Lục Tổ Ngưu Đầu. Vì lúc đầu, Tổ Sư Đạt-ma từ Tây Trúc đem tâm yếu họ Thích đến, truyền đạo đó có ngài Tuệ Năng ở Tào Khê, ngài Thần Tú ở Tung Sơn. Người học theo ngài Tuệ Năng thì gọi là Nam tông học, học theo ngài Thần Tú thì gọi là Bắc tông học, mà Tổ Sư Đạo Tín lại đem đạo đó truyền cho

ngài Tuệ Dung. Ngài Tuệ Dung đắc đạo ấy rồi ở tại núi Ngưu Đầu. Đệ tử lấy truyền thuyết do là Tâm Pháp Tổ Sư Đạt-ma có Ngưu Đầu học. Sư (Di Tắc) đã truyền đạo của ngài Tuệ Trung, tinh chuyên quán chiếu lâu dài, cho rằng trời đất không có vật, ta cũng không có vật, tuy không vật gì mà chẳng hề không có vật. Thế thì, bậc Thánh như ảnh, trăm họ như mộng, ai là sanh tử ư? Bậc chí nhân lấy đó mà riêng soi chiếu, làm chủ muôn vật. Ta biết điều đó. Sư bèn đi về phương Nam, tới Thiên Thai, đến đỉnh núi Phật Tích, dùng có Bệ lệ để che, lột chiếu lá rơi mà ở, uống nước suối, ăn rau cỏ, thật mà sung hư. Lấy hổ báo làm khách, lấy hươu nai làm đồ chúng, Sư ngồi sừng sững như cây khô. Sau đó, có người đến chặt cây thấy vậy cùng mách bảo với mọi người. Có người kính mến đạo của Sư, bảo rằng: “Bậc Đạo giả đó (ngài Di Tắc) chưa có đệ tử”. Bèn cùng dẫn nhau đến dựng nhà, đắp họa Tôn tượng Phật, xếp đặt chư tăng, dần dần làm thành tịnh xá. Nên từ niên hiệu Nguyên Hòa (806-821) về sau, người truyền đạo Sư lại tự cho là Phật Quật học. Và danh hiệu “Phật Quật” phát xuất ban đầu từ Sư.

Ngài trụ tại một chỗ suốt bốn mươi năm. Các bậc Đại quan danh hầu mang thư thưa hỏi, cúng dường, song Sư không hề đáp tạ. Người đến lễ bái, Sư không hề đứng dậy.

Bấy giờ, vào ngày 13 tháng 6 năm Canh Tuất (830), Sư gọi đệ tử, bảo: “Các ông hãy cố gắng!” Đến tối ngày 15, Sư bèn an tọa thị tịch. Đêm đó, người ở dưới núi nghe có tiếng như núi sụp đổ, sáng sớm ra nhìn thì thấy mây năm màu bay liệng quanh và ghé vào trên đỉnh núi, trẻ già đều khỏe “Thầy mất vậy!” Thế rồi lên xem xét, quả thật đúng thế. Sư thọ năm mươi tám tuổi, hai mươi hạ lạp.

Sư rất giỏi văn. Ban đầu truyền đạo ở Chung Sơn. Sư đề tựa “Tập Dung Tổ Sư văn” ba quyển, soạn “Bảo Chí Thích Đề” hai mươi bốn chương, “Nam Du truyện”, “Đại sĩ Di Phong tự”, “Vô sanh đẳng nghĩa”. Tất cả các tác phẩm của Sư, ngôn từ ý lý ngời sáng. Ngoài ra, còn có thi ca khoảng mấy mươi thiên đều lưu hành ở đời. Sư vốn ở bốn viện Phật Quật; phía tây suối Bộc Bố, dựng lập khám tháp tại đó. Trong pháp nạn Hội Xương, đều bị phá hủy. Viện đó là sở hữu của Đạo môn. Sau, vào năm Ất Dậu (865) thuộc niên hiệu Hàm Thông (860-874), Sa-môn Tăng Chánh Pháp Quang ở chùa Khai Nguyên bèn dời bia đến chỗ hiện nay, Hà Nam Y Hàn lại soạn bia văn.

9. Truyện ngài Linh Mặc trụ núi Ngũ Tiết, ở Vụ Châu, thời Tiền Đường:

Thích Linh Mặc, họ Tuyên, người xứ Tỳ Lăng. Vốn vào năm thành lập, Sư ưa ham học quên cả mỗi mệt, mong thi đậu để làm nở mày nở mặt bà con. Nhân lúc Đại sư Mã Tổ nhóm chúng giảng dạy tại Dự Chương, Sư tìm đến cửa thiền, ngài Mã Tổ nương mày xem tướng, Sư thâm hợp huyền cơ, bèn xin xuống tóc xuất gia, như ung nhọt chín muối đợi lúc mổ xẻ. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư khổ luyện hạnh môn, bền chặt chẳng rời.

Vào những năm đầu niên hiệu Trinh Nguyên (785), Sư vào núi Thiên Thai; nơi Lan-nhã của Đại Sư Trí Khải ở đời Tùy có tất cả hai mươi một cơ sở. Xưa kia, ngài Trí Khải huyền ký rằng: “Đây là chỗ đất nhiệm mầu, chẳng phải nơi nương gá của các căn cơ lẫn lộn. Nếu ai có thể ở đây thì không khác gì với ta”. Nhân đo, Sư trụ tại đạo tràng Bạch Sa, trải qua hai năm, hồ dữ đến gần quen dần, thú rừng sanh sản tùy ý nương ở. Sư lại đến trụ tại Đông đạo tràng. Ở đó, đất hẹp, người thưa, một đêm nọ, Thần núi làm sấm sét chấn động mưa bão, núi cao lăn ngã. Ánh sáng xẹt vào cây Đại thọ ngã dài, am Sư ở bên cạnh cây; cành lá đan xen mà cỏ tranh không chút hư hại, mọi người xa gần nghe thế đều đến xem xét khen ngợi.

Sau, Sư đến núi Đông Bạch, bỗng nhiên trúng độc, mà chẳng tìm cầu thầy thuốc. Sư đóng cửa ngôi yên, sau đó không lâu, chất độc hóa thành mồ hôi nhỏ giọt, Sư trở lại bình thường. Thứ nữa, Sư đến Bồ Dương, hoằng hóa hưng thịnh, có Dương Linh Nhung Tướng Lý Vọng thỉnh Sư đến trụ ở Ngũ Tiết.

Khoảng đầu niên hiệu Nguyên Hòa (806), trời nắng hạn, Quan Điền Tuấn đang bàn hoàng lo sợ, Sư men theo khe suối, thấy con rắn xanh đang trừng mắt như nhìn người qua lại, nằm bất động. Sư quát la nó, bảo rằng: “Trăm họ đang lo sợ khe suối khô cạn, lúa mạ khô héo. Sao ngươi chẳng ban thí mưa để cứu dân ư?” Đến tối, quả thật có mưa lớn khắp nơi đều “đầy đủ”. Dân chúng đội ơn Sư như thế. Chúc Bình Xương Mạnh Giản Trung Thừa Liêm vấn chiết Đông phế quản nội Lan-nhã, học chúng tan rã. Bấy giờ, Kỵ Dương Lệnh Lý Trụ Trọng cử Linh Sơn hứa dựng lập sửa sang lại viện.

Đến ngày 23 tháng 3 niên hiệu Nguyên Hòa thứ 13 (818), Sư tắm gội, đốt hương, ngồi thẳng trên giường dây, dặn dò Đồ chúng rồi, bỗng nhiên thị tịch, thọ bảy mươi hai tuổi, bốn mươi mốt hạ lạc.

Cao Tăng Chí Nhân, đạo hạnh tiểu bạt, văn từ bóng bẩy, cũng là những bậc tài giỏi tuấn đạt của Giang Tả soạn thuật hành lục của Sư.

10. Truyện ngài Đạo Ngộ trụ chùa Thiên Hoàng ở Kinh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Đạo Ngộ, họ Trương, người ở xứ Đông Dương, thuộc Vu Châu, bẩm thọ khí thuần túy của trời, làm Pháp Vương Tử, vừa mới sanh mà thần khí tuần tú, lúc lớn lên thì ý nguyện kính cẩn.

Năm mười bốn tuổi, Sư như chim đại bàng vừa đủ lông, kỳ lân đủ sừng, thỉnh bạch với tôn lão cầu xin xuất gia. Cha mẹ vì thương con nên chẳng hứa cho. Sư liền bỏ bớt uống ăn, mỗi ngày chỉ một bữa. Tuy hình suy bụng đói mà tâm Sư ngày càng cương quyết, cha mẹ không làm sao được, liền hứa thuận cho Sư. Sư bèn đến ngài Đại Đức ở Minh Châu, xin cạo tóc. Đến năm hai mươi lăm tuổi, Sư nương tựa ngài Đại Đức ở chùa Trúc Lâm thuộc Hàng Châu, cầu thọ giới cụ túc. Sư dùng sức mạnh giúp cho tâm cứng chắc. Với pháp môn sáu độ, tu các phạm hạnh, Sư thường lấy đó làm thuốc thượng diệu trị bệnh hiểm ngặt. Sư tự nghĩ muốn khai mở sự mờ tối, tìm thiện tri thức, há chẳng nhờ thuyền bè cứu giúp sao? Bèn vội sắp xếp kế hoạch tìm tới Thiên Sư Quốc nhất ở Kính Sơn, Sư đánh lễ dưới chân Ngài vừa xong thì liền thâm nhận tông yếu. Ngay lời nói, Sư biết được trong chiếc áo có ngọc báu. Thân tâm mở toang, chân vọng đều trừ, dứt sạch các nghi trệ, tự tại vô ngại. Thật sự thấy trong Phật tánh không mây đen, Sư siêng năng phục vụ năm năm, tùy cũng ấn khả, khiến mưa pháp đó nhuần thấm khắp các tông lâm. Sư chứa nhóm sức lực hướng vào ẩn dật, dò tìm nơi chốn sâu xa hiểm trở, thật mong mỗi một lần bay lên giữa khoảng hư không rồi mới ẩn dật nơi núi Đại Mai ở Dư Diêu. Lúc đó là niên hiệu Đại Lịch thứ 11 (776).

Trên tầng núi cao chẳng có hang hốc, tiếng trời tiêu cầm xa xa, không có xóm làng. Suốt bảy ngày, Sư không ăn, chí thành hẩn thông, vật cảm mới linh, các loài Nhu Đinh giúp thêm nghị lực, chó đồng dâng trái hạt giẻ. Một hôm, có gã tiểu phu từ miền quê vác rìu bảo chặt lùm cây đó, tình cờ trông thấy Sư mới kinh hãi dừng lại, vội báo cho đồng bạn biết, bảo là: “Thần kỳ”, chưa tới mười ngày mà mọi người tìm đến đông như chợ. Cây chỗ hỏm, nương chỗ cao, dựng lợp nóc nhà cao, của cải lương thực vây quanh phương trượng. Hồ dữ chăm nhìn mọi người ra vào, một khi ai đến gần tòa thì xem xét xếp chi thể, loại đó lớn nhiều đáng biết. Hễ Sư nói pháp thì không có các tầng bậc, song công người vượt qua cũng có sâu cạn. Cây gỗ do cọ sát mà thấy lửa. Gương bởi siêng năng lau chùi mà chiếu sáng. Lý hẩn là vậy. Do đó, quét trần lụy trốn núi chằm, che hình thể để xét đêm ngày, Ngài tinh nghiêm không ngừng nghỉ, thú hưởng đạo vô thượng. Ấy hẩn là có ý chỉ. Cứ như thế

trải qua ba, bốn năm, sắp bay liệng ngoài mây to gió dữ, cắt đứt lông cánh, muốn trở về Bảo Sở ngại trái lằm đường đi, nên Sư lại cố dò hỏi để hiểu rõ Chân tông.

Niên hiệu Kiến Trung năm thứ nhất (780), Sư đến tham yết Đại Sư Mã Tổ ở Chung Lăng, mùa Thu năm sau (781) Sư lại ra mắt Thạch Đầu thượng sĩ. Than ôi! Từ Kinh Sơn đến Hành Nhạc, đã ba lần gặp được các bậc triết nhân Long tượng. Đến đây tức là tạo phụ tập, người ngự đỉnh cầm búa. Hai tâm tướng đó hợp với sự già nua. Bạch nguyệt soi sáng, Thái Dương chiếu hoà. Hồng Hà chảy vào Biển lớn đồng một vị. Trọng Ni cho rằng Nhan Tử là Á Thánh, Phật Nhiên Đăng thọ ký cho Đức Thích-ca. Căn quả thành thực, danh xưng đồng nghe, như núi Tu-di đứng trong biển lớn, do là gần Phật, rộng bày thắng nhân. Tất cả các cõi nước duyên hội thì đáp. Ban đầu, Sư thử đến Lễ Dương, tiếp theo dừng ở Cảnh Khẩu, cuối cùng sư trụ tại núi Sài tử thuộc Đương Dương, tức chỗ năm trăm vị La-hán liệng. Thông xanh um tùm để ngâm gió, sườn núi chơm chớm cao tới trời, cưỡi ráng mây tím sóng sánh, gỏi suối ngọc mát lạnh. Loạn phụng không nhóm họp nơi Bồng điếu, Chí Nhân hẳn trú ở nơi thắng thế. Thật là như thế, Hồng Chung chờ đợi đánh, trẻ dại mong cầu ta, nước chảy sao nhóm, đối đi thật về. Hoặc tiếp võ nơi Lâm việt, hoặc chung sức tại Lư Xá, dép cỏ ngoài cửa, sáng rỡ đầy thất, Kinh Châu hùng phiến. Dân chúng sĩ nữ thành đô động đến cả ức muôn, không ai chẳng kính quỳ, cúi đầu hưởng ứng phong thái mà làm theo. Sùng Nghiệp Thượng Thư dùng trạng văn trình tấu liên soái mà yêu cầu. Sư chẳng trái nguyện lực bền đáp lại sự thỉnh mời, dép cỏ in dấu nơi hư lạc, tích trượng chống tới thành đô. Người xuất gia, tại gia vì đó mà thứ tự bước theo, cờ xí vì đó mà lộn xộn chập chồng. Sống khó gặp, tưởng được chưa từng có, Ưu-ba-cúc-đa kia, đâu đáng nói!

Có chùa Thiên Hoàng ở phía trái quận, đó là điểm kỳ dị so với những chùa khác, nên gọi là danh lam, khốn nỗi bởi người phóng lửa lan tràn thiêu cháy rụi. Chủ tăng phưởng là ngài Linh Giám vội lo liệu, cho rằng đây chậ người mà Sư định ở, hẳn là phước của ta. Hễ là người gánh vác việc lớn, thì thường bỏ vết nhơ, mới vào nửa đêm lạng lẽ, sáng vác kiệu mà đến. Hai chùa tối có chỗ mất, sáng có chỗ được, tranh luận dấy khởi, đề đạt tới tôn quan. Khi Sư đến thì trở lại an vui như cũ. Giang Lăng y hữu Bộc Xạ Bùi Công có nhiều thanh trọng, dựng cờ lãnh chúng, phong vọng nhìn ngó, đương thời chuẩn trình, đuổi xe đầy lễ, hỏi pháp siêng năng, Sư vẫn thần khí sáng trong, an tường tự ở, từ từ dùng lời mềm mỏng vì đó bày đáp, hẳn trong tinh vi thấu suốt qua yếu ách.

Lại thường giữ trình tháo, chẳng chuẩn bị đón rước, không một chút nhún nhường quý tòa mà vái chào đối đáp. Bùi Công nhờ Sư cao bạt nên nêu bày nghĩa thú, bảo rằng: “Chí khí kháng tục vượt trội như thế ư?” Sư cho đó là pháp bình đẳng, chẳng thấy chủ khách, há phải đem thế để để cư xử với người mà hạn cục sao? Bùi Công đối với lý thâm ý hiểu, bèn nép mình quy mạng, đã thấy được nhân giả thì ngã tâm thấp xuống. Như nóng bức được tắm gội, vôi nóng thì băng tan. Từ đó, Thiên Tông hưng thịnh, không có ở đâu như vậy.

Vào năm Đinh Hợi (807) thuộc niên hiệu Nguyên Hòa, Sư bị chứng bệnh đau lưng, dự báo trước cho đệ tử biết ngày thị tịch, đến cuối tháng 4, Sư an nhiên thị tịch, thọ sáu mươi tuổi, ba mươi lăm hạ lạc. Đến ngày mồng 5 tháng 8 năm đó an táng ở góc phía đông quận, Linh Khám xây tháp theo tăng lễ.

Sư thân cao bảy thước, thần vận cô kiệt, vân tay như cá nháy, xương đỉnh đầu nổi cao. Hạnh ở nơi Anh Lạc, chí ở tại Hoa Nghiêm, Sư độ người, giảng pháp mạnh mẽ bén nhạy. Sư có một ý chỉ là sạch dơ chung ở, nước sóng đồng thể, xúc cảnh mê đắm, khí khái quên về. Ba đời bình đẳng, xưa nay thanh tịnh, một niệm chẳng khởi thì thấy được Phật tâm. Sư ngộ giải chóng vượt như thế đó.

Trước là thời gian của thời khói lửa điện vũ chẳng lập, nhìn lại Tăng tục thiếu chỗ nghiêm mật để chiêm lễ, Sư nghĩ suy kết cấu mà không biết quyền dư. Phạm bờ cõi của ta, giàu có thông bách, thấy nguyện khuynh đảo, cứng thí tăng-già-lam. Sai thợ dò xét, uyển nhã phù hợp. Khi ấy, chặt cây lớn để sửa cột, chống đỡ sườn núi hang hốc. Sương móc khó đào giếng. Bấy giờ, đang tiết trời cuối thu, nước dùng đều khô cạn, Đồ chúng bó tay vô phương tìm kiếm, gặp một đêm mưa mà cả muôn gốc cây đều vượt lên, sáng sớm phát hiện thấy nước ở ven sông, tới tối thì đến chùa, chỉ chừng con dao mổ, động dụng không thiếu sót. Ngoài ra, hiên nhà giường án không gì chẳng thăm giúp. Việc gần nói sự quái lạ, mà chẳng ghi những điều cảm ứng linh kỳ, đều giống như thế.

Các Tỳ-kheo Tuệ Chân, Văn Phần v.v... là những Thiên tử, ở chốn vắng lặng, đều là những vị nhập thất mà được ngộ, hoặc nối tiếp pháp tòa đạo tràng, hoặc phân phái hóa đạo. Bấy giờ, Thái thường hiệp luật Phù Tải soạn văn khen ngợi đức hạnh của Sư. Người đời gọi đó là “Môn Phong của Thiên hoàng”.

Kế nữa, có ngài Thích Sùng Tín trụ thiền viện Long Đàm, ở Lẽ Châu, thời Tiền Đường, chưa rõ Sư là người thuộc dòng họ nào. Lúc còn

tại gia, Sư là con của Sư Hồ Bình ở Chử cung. Tuy yếu đuối, nhỏ tuổi mà thần sắc Sư rộng lớn.

Xưa kia, Thiên Sư Đạo Ngộ ở chùa Thiên Hoàng, ẩn che tiếng tăm, người chẳng lường biết ta. Tín chủ ở trong hẻm chùa, thường ngày mang thùng bánh đến cúng dường Sư, Sư dùng xong chừa lại một cái bánh và bảo: “Ta ban cho ông để làm phúc che chở cháu con!” Một hôm, tín chủ tự nghĩ: “Bánh là do ta mang đến, sao để lại cho ta ư? Chẳng biết đây là ý chí gì!” Tín chủ bèn chấp tay thưa hỏi, Ngài Đạo Ngộ bảo: “Ông mang đến, ta đáp lại ông, có lỗi gì ư?” Tín chủ nghe mà dường như có gì kinh quái, nhân đó ngài Đạo Ngộ khuyên xuất gia, tín chủ liền cầu nhiếp thọ. Ngài Đạo Ngộ bảo: “Xưa kia, người sùng kính phước thiện, nay lại tin theo lời ta, nay ta đặt tên người là Tín”. Từ đó, Tín tự thân lo việc cơm nước, cung kính nhớ tưởng phục dịch chuyên cần. Tín mới hỏi ngài Đạo Ngộ rằng: “Con chưa được thầy chỉ bày tâm yếu”. Ngài Đạo Ngộ bảo: “Lúc nào ta cũng chỉ bày cho ông đó!” Tín nghe lời nói đó mà như kẻ lang thang trở về nhà, như người nghèo khổ được của báu. Thẳng theo đến kinh... mới dừng trụ tại chùa Long Đàm ở Lễ Dương. Nhờ sự kích dương của Lý Cao Thượng Thư, bấy giờ Tín mới ra hoàng hóa. Sau, các vị như Đức Sơn, Giám sư đều xuất xứ từ pháp tịch của Tín.

Tông phong rất hưng thịnh.

11. Truyện ngài Viên Tịch ở Nghiệp Đô, thời Tiền Đường:

Thích Viên Tịch, không rõ Sư là người xứ nào, Sư thường lấy thiền quán làm việc chính, siêng năng tu trì chẳng biếng trễ.

Sư đến chỗ Thiên Sư Lão An ở Trung Sơn, cầu xin giải quyết tâm nghi ngờ. Mỗi điều đều sáng tỏ. Ngài mở mang hành tướng bộ, tăng chúng nương tựa rất đông. Sư ở lâu tại núi Thiên Bình đảnh. Những dấu vết xưa cũ của Thiên Sư Trù, Sư đều tìm khắp. Bấy giờ, Đại Tư Không Nghiêm Thụ rất có tâm kính tin tôn trọng, Sư thọ một trăm năm mười lăm tuổi, Sư sanh năm Kỷ ty, thuộc niên hiệu Hàm Hanh thứ 2, nhưng xét năm Hàm Hanh thứ 2 tức năm Tân mùi (671), nên năm Sư sanh hợp với niên hiệu Tổng Chương thứ 2 là năm Kỷ Ty (669).

Người đời tôn xưng Sư là Hòa-thượng vô sanh. Sư ở chốn núi cao, thường chẳng muốn người đến lễ bái thỉnh mời, hẳn là có dung sắc bất khả phạm, có lúc chẳng phải. Nhưng người có chí ý tu thì xem thường giàu sang, trọng Đạo nghĩa, xem nhẹ Vương Công. Đó chẳng phải là ngạo mạn khi đối mà thế khiến như vậy.

Kế nữa, có ngài Thích Quật Đa, người Ấn-Độ. Sư vượt qua đường cát đá, hướng về Thần Châu, bắt kể dòng tộc mọi rợ. Sư tinh thông tiếng Trung Hoa và mền chuộng thiền định. Sư sang tham yết Tổ Sư Tuệ Năng ở Tào Khê, cơ giáo tương tiếp, dường như trẻ thơ yếu đuối chịu tang được trở về nhà. Sư men theo đường định sẽ đi đến Ngũ Đài, ngang qua một xóm nhỏ, thấy một thiền giả kết am ngồi một mình. Sư hỏi vị đó rằng: “Ông ở đây làm gì vậy?” vị ấy đáp: “Tôi Quán tĩnh”. Sư hỏi: “Người Quán là ai? Vật gì là tĩnh? Chẳng nhọc hình hài ông, khiến ông lo nghĩ ư?” Vị tăng đó mỉm cười, chỉ khoanh tay im lặng, rồi làm lạ câu thỉnh Sư rũ lòng chỉ dạy. Sư bảo: “Hàng Dị Đạo ở xứ Tây Vực tôi thật có nhiều loại, nhưng hàng rất thấp kém cũng chẳng rơi vào kiến chấp như thế này! Tự nhiên ngồi không, có mọc um tùm thối nát cả thân hình, thật không có ích lợi gì sâu xa. Ông chớ khởi kiến chấp như thế, lý luận như thế, hãy sớm đến Thiều Dương cầu thỉnh quyết trạch điều nghi”. Ngài Tuệ Năng bảo: “Ông sao chẳng tự Quán tự tĩnh ư? Chẳng quán tướng, chẳng quán như ông du lịch hằng ngày tự nhiên an vui?” Mỗi mỗi đều như lời của Sư đã nói, sơ lược chẳng chút nào khác. Vị tăng ấy xé rách được lưới nghi. Sau, không biết Sư đi đâu!

12. Truyện ngài Chân Thúc trụ núi Dương kỳ, ở Viên Châu, thời Tiền Đường:

Thích Chân Thúc, không rõ Sư là người xứ nào. Thuở còn bé, Sư đã thanh thản chẳng buộc ràng, trông mắt tròn sáng có tướng bậc Đại nhân. Sư quán trên vòng quay sanh tử thấy chúng sanh mê muội trong chín nơi, dường như loài sâu độc hại ở nơi my mắt con muỗi, hưởng thọ diệu dục ví như nếm sáp ong không mùi vị! Sư bèn ném trâm cạo tóc, đầy đủ tướng Phật, đến tham yết Thiền sư Đại Tịch. Một lúc thấu đạt huyền cơ, muôn điều lo toan đều vắng lặng. Sư bèn tự nghĩ: “Quần linh nguồn gốc giả gọi là Phật, thể kiệt hình tiêu mà bất diệt, vàng chảy tan mà thường còn. Biển Tánh không gió quấy động mà sóng tự nổi, tâm rộng bật điềm muôn hình tượng đều soi chiếu. Thể nhận được lý này thì chẳng nói mà trùm khắp sa giới, không dụng công mà ích lợi huyền hóa. Cớ sao xoay lưng với tánh giác, lại hợp với trần lao, đối với ấm giới luống tự ràng buộc, bấy giờ hình đồng trăng đáy nước, trôi dạt trời người!

Sư nhìn núi Dương Kỳ ở Nghi Xuân các ngọn bốn phía chung hợp, mới ngợi khen rằng: “Mặt đất vốn làm trấn, tạo ngôi thành pháp của ta”. Mới phát một lời mà ngàn hang núi vọng tiếng, Thông mở điềm

trắng, sao rải mây tan. Trong vực núi xanh gió chướng hóa thành cảnh vàng. Sư mới yên tọa hơn bốn mươi năm, khắp phòng có ánh sáng vàng ngày đêm soi chiếu. Đến lúc hóa duyên đã mãn, cơ cảm khó lưu giữ. Vào ngày 13 tháng 1 năm Canh tý (820) thuộc niên hiệu Nguyên Hòa, tự nhiên Sư xả bỏ thân trần trở về Đại Định.

Các vị đệ tử: Như Thản, Lương Bảo v.v... tâm chìm vào biển buồn thương, tiếng than khóc động núi. Như trăng ẩn bóng, muôn sao giữa trời mất soi sáng. Mọi người cùng nhau nhón nhật các thứ cây gỗ làm thành lều hương, dùng pháp trà-tỳ, thâu nhật xá-lợi được bảy trăm viên, xây tháp thờ dưới Đông Phong. Đệ tử thượng túc của Sư là ngài Nhậm Vận mời ngài Chí Nhân soạn văn bia ghi chép về cuộc đời Sư.

13. Truyện ngài Hoài Hải trụ núi Bách Trượng, ở Tân Ngô, thời Tiền Đường:

Thích Hoài Hải, người xứ Mân. Thuở nhỏ lìa nhà, khi lớn lên dạo chơi trong Đốn môn. Bẩm tánh Sư tự thiên nhiên chẳng do khởi bầy khuyến nủ, nghe Thiên sư Đại Tịch mới hoàng hóa tại Nam Khương, Sư bèn dốc lòng đến nương tựa, đi dối về thật, quả nhiên trở thành bậc Long tượng.

Sau, các vị Đàn Tín thỉnh Sư trụ tại xứ Tân Ngô, có ngọn núi cao chót vót đến cả ngàn thước tên là Bách Trượng. Sư đã đến đó, thiên khách xa gần không ai chẳng đến. Phòng nhà lại chật hẹp. Sư lại nói: “Ta hành hóa pháp Đại thừa, đâu nên dùng giáo điển các bộ A-Cấp-Ma để làm tùy hành ư?” Hoặc có người bảo: “Luận Du-già, kinh Anh lạc là giới luật Đại thừa, sao chẳng nương theo đó ư?” Sư bảo: “Đối với giáo pháp Đại thừa, Tiểu thừa, ta xem rộng và ước lược chiết trung, lập bày khuôn phép chuyên môn, kết quy hướng thiện”. Sư mới nảy ý chẳng theo luật chế, lập riêng Thiên cư. Ban đầu, từ ngài Đạt-ma truyền pháp đến ngài Lục Tổ Huệ Năng trở đi, những vị chứng đắc đạo nhãn, gọi là Trưởng Lão, đồng như các bậc Đạo cao lập trưởng ở Tây Vực xưng gọi là Tu-bồ-đề. Nhưng thường ở trong các chùa luật, mà lập viện riêng khác. Sư lại chẳng luận Cao Hạ đều vào Tăng Đường. Trong Tăng Đường thiết bày giường liên dài, giá móc áo chống đỡ đạo cụ, nằm thì có gối giường, gọi đó là “đới đao thù”, bởi vì vị ấy ngồi thiền đã lâu, lược nghỉ chút xíu mà thôi. Sáng tham tối nhóm, ăn uống tùy nghi, chỉ bày tiết kiệm. Thực hành pháp phổ thỉnh, bày Thượng Hạ đều năng lực. Các bậc Trưởng Lão ở tại phương trượng đồng một phòng nhà như Duy-Ma-Cật. Chẳng lập điện Phật, chỉ dựng pháp đường, phô bày pháp,

vượt ngôn tượng. Các chế độ đó so với giới luật mỗi Ngài đều thêm gấp bội. Thiền tông trong như gió đờ cỏ. Thiền môn riêng hoàng hóa, phát xuất đầu tiên từ.

Đến niên hiệu Nguyên Hòa thứ 9 (814), vào ngày 17 tháng 1 năm Giáp Ngọ, Sư thị tịch, thọ chín mươi lăm tuổi. Đến niên hiệu Trường Khánh thứ nhất (821), vua Mục Tông ban tặng Sư thụy hiệu là “Đại Trí Thiền Sư”, tháp hiệu là “Đại Bảo Thắng luân”.

Liên hệ thử bàn:

Từ thời Hậu Hán, nơi chốn hoàng truyền giáo pháp, chẳng phân chia Thiền Luật. Vì vậy, những bậc thông thiền đạt pháp đều ở trong một chùa, viện thì có riêng. Đến thời ngài Bách Trượng lập ra quy chế, nêu lên ý dùng phương tiện, cũng là dòng đầu-đà. Uốn cong theo thẳng mới là nghiệp giản dị, cái gọi là tự ta làm cổ, vì cổ nên là việc xưa. Như lập sự khắc thành nói từ đây bắt đầu. Chẳng thành thì nói không tự lập thử. Nay, ngài Hoài Hải làm cổ, thiên hạ theo đó càng nhiều mà ít tổn hại, nên thụy hiệu của Sư là “Đại Trí” chẳng có gì quá. Trong luận ngữ nói: “Lợi chẳng trăm, chẳng biến cách, sẽ biết biến cách ấy, quyết lợi thật nhiều”. Luật Di-Sa-tát có như thế, tuy chẳng phải Phật chế, nhưng các phương vì sự thanh tịnh mà đặt ra, chẳng được không hành trì.

14. Truyện ngài Hằng Nguyệt trụ viện Thúy Vi, ở Đàm Châu, thời Tiền Đường:

Thích Hằng Nguyệt, họ Hàn, người ở xứ Thượng Đảng. Cha của Sư làm thương buôn ở Thổ Lam, qua lại Giang Tây, bỗng nhiên gặp phải nước lụt nên bị chết đuối. Sư tuy nhỏ tuổi yếu đuối mà nhớ thương cha bị vùi chôn trong bụng cá. Mẹ Sư lại đi thêm bước nữa, Sư mới quyết chí xuất gia cầu báo ân nuôi dạy. Sư đến thọ giáo với ngài Tuệ Sơ ở chùa Thánh Thiện. Khi đã được độ, Sư bèn đến thiền hội ở Tung Sơn, khai mở tâm yếu. Sau, Sư đi hỏi đạo tìm thầy, chẳng sợ hiểm nguy. Đến dừng ở tại một Cổ viện dưới Điện Thúy vi ở núi Vọng Hồ. Người học bốn phương như ong gặp chúa, thích hợp hoàng hóa hưng thịnh.

Đến niên hiệu Kiến Trung thứ nhất (780), Sư hiện bị bệnh mà thị tịch, thọ bảy mươi chín tuổi. Nhập tháp ngày 12 tháng 3 năm đó.

Kế nữa, có ngài Thích Chân Lượng trụ chùa Quảng Ái ở kinh đô Lạc Kinh. Sư vốn họ Hầu, người ở xứ Cảnh Thành. Gia đình Sư giáo dục nho nhã, từ thể xán lạn. Sư giữ tiết tháo trong sạch, khác với đồng bạn ở tuổi thiếu niên. Bỗng nhiên Sư nhằm chán sự giam hãm, tự nhủ: “Bỏ tình trừ đối đó là sở nguyện!” Bèn đến cầu xin ngài Trí Hư chùa Khai

Nguyên ở Bồ Châu xuống tóc xuất gia và Sư hái củi gánh nước đều dẫn trước mọi người, Sư tập thực hành hạnh đầu-đà. Sau khi thọ giới cụ túc, Sư đến thiếu thất Tung Sơn, được Đại Sư Phổ Tịch chỉ dạy, chóng mở mang chỗ mờ tối. Sư lại vào núi Long Môn mà thực hành thiền mặc. Những người tìm hỏi bến bờ đua nhau tìm đến, tiếng tăm ngày một hưng thịnh. Chúc Lưu Thú Thượng Thư Vương Công Đạc Bảo Hy nghe danh sư mà khâm phục kính trọng, mời Sư vào trụ riêng trong chùa Quảng Ái, Sư chỉ dạy cho người Thiền Quán, chẳng hề mỗi một đối với việc bảo ban dạy dỗ, và người được đạo cũng rất đông.

Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 4 (788), ngày mồng 3 tháng 11, bỗng nhiên Sư bảo môn nhân rằng: “Bóng xế trời Tây, thật khó lưu giữ thêm lâu!” Dặn dò xong, Sư thị tịch, thọ tám mươi tám tuổi.

15. Truyện ngài Tư Công ở núi Giáp Thạch, thuộc Tương Châu, thời Tiền Đường:

Thích Tư Công, họ Lý, người ở xứ Hằng Dương. Sư sớm xuất gia tại chùa Long Hưng thuộc trong Bồ Phủ. Sau khi được độ, Sư vân du đến Duẩn Lạc, thấy Thiền sư Phổ Tịch khai xưng Thiền Pháp. Ngài Phổ Tịch vừa mới gặp Sư liền khuyên dụ chỉ bày, và Sư dò xét đến được chỗ sâu mâu. Sư đến Nam ung, ẩn cư tại núi Giáp Thạch, tự được an vui. Chúc Ngưu Công Quán chấp chính tại Hán Nam, nghe tiếng tăm của Sư nên mời vào thành. Sư từ tạ viện cố bị bệnh mà không đáp lại. Ngưu soái cũng chẳng cưỡng ép chí nguyện của Sư, Đàn thí cùng nhau hưởng vọng, học chúng đông đúc như vây quanh vườn Chiên Đàn.

Đến niên hiệu Hưng Nguyên thứ nhất (781), Sư thị hiện bị bệnh mà thị tịch, thọ sáu mươi bốn tuổi.

Kế nữa, có ngài Thích Đàm Chân ở viện An Quốc, thuộc Hào Châu. Sư vốn họ Trần, người ở xứ Duy Thanh. Thuở nhỏ, Sư ít theo cha sang Bành Thành, bán tảo ở Nghịch Lữ nên mất chỗ cậy nhờ, Ngài than thở không nương tựa, bèn đến chùa Đại Vân xuất gia làm tăng. Chỗ đất đó là rừng đầm kinh luật của Pháp sư Tung. Ngài học tập thông rành. Sau, vân du các thắng cảnh, đến Tung Sơn học thiền quán rồi đến Nhậm Thành. Tình cờ gặp gỡ Lý Trung thừa làm Chức Tiều Quận. Tiếp đến Sư đàm đạo đến nỗi ngửa bàn tay trừng mắt chau mày, như phủ mây sương. Lý Trung Thừa hận biết nhau quá muộn! Xin được đồng hành, khi ấy ở đình Tụ phong nguyệt quán đàm đạo đến sáng. Sau, Lý Trung Thừa vào làm kinh y. Nhân đó mà thung dung ca ngợi tấu trình đạo thành đức chí của Sư. Vua Đức Tông ban chiếu thỉnh mời, nhưng Sư

không vâng chiếu.

Đến niên hiệu Trinh Nguyên thứ 7 (791), Sư thị tịch vào tháng 4.
Môn nhân xây tháp thờ.

16. Truyện ngài Thạch Tạng trụ viện Định Chân, ở núi Đại Tượng, thuộc Kinh Châu, thời Tiền Đường:

Thích Thạch Tạng, họ Lã, người ở xứ Hán Đông. Năm gần vào tiểu học, đã hiển bày thái độ của bậc Thánh. Sư quỳ xin cha mẹ nguyện được làm Phật tử. Bèn phát chí vào chùa Khai Nguyên xin cắt tóc xuất gia thọ giới. Sư khắc chí đến tham yết Thiền sư Đại Tịch ở Tung Sơn, bỗng nhiên tỏ ngộ thiền pháp. Sư đến một hang đá ở trên ngọn núi Đại Tượng, một mình an nhiên tĩnh tọa suốt vài năm. Những người cùng ý hướng vọng trông đạo phong của Sư mà đến, dần thành chúng đông, giáo hóa rộng khắp, mọi người đều vui mừng nhờ ơn. Hội châu soái Lý Công Trác tha thiết kính ngưỡng, thỉnh Sư vào thành trụ, huyền luận với các quý thân Sư tạ từ rằng: “Tánh quen khó bỏ, chẳng rảnh lễ pháp, sợ vấy bản uy lẫm!” Lý Công Trác đích thân vào núi thưa hỏi, Sư thật khéo giao đàm mở chỗ sâu mờ tối. Lý Công Trác tấu trình tại viện đề biển ngạch là “Định Chân”, Sư dự cáo, từ biệt đại chúng, qua sáng hôm sau, Sư an tọa thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Nhập tháp vào tháng giêng niên hiệu Trinh Nguyên thứ 16 (800), lập bia soạn văn khen ngợi đức hạnh Sư.